Bảng minh họa

THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU XEM XÉT CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Áp dụng cho sản phẩm:

- **PRU**-HÀNH TRANG VUI KHỎE
- Bảo hiểm Bảo vệ Sức khỏe Cơ bản

• Quyền lợi chăm sóc nha khoa

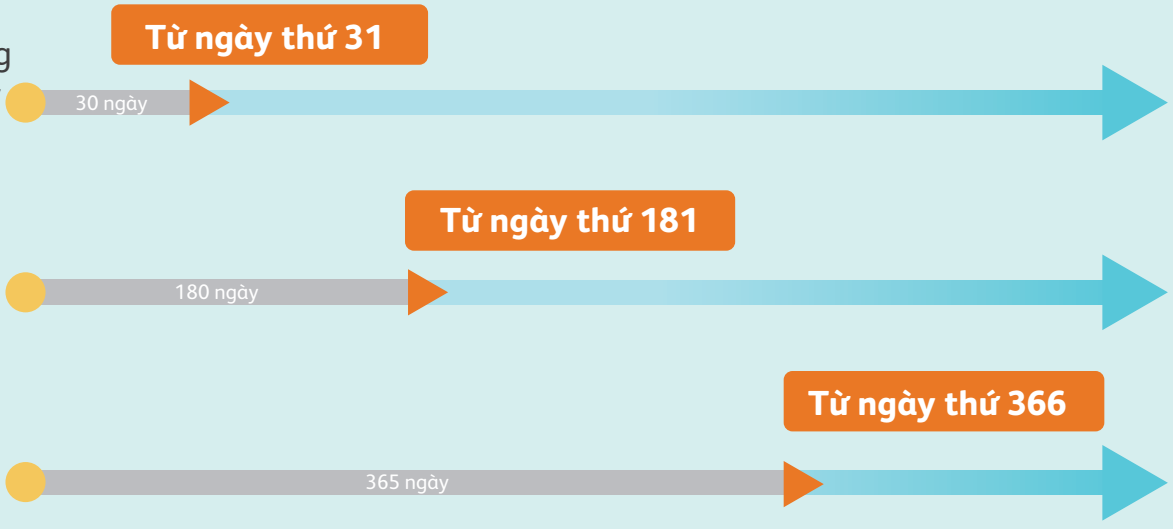

Thời gian chờ
(Thời gian không được bảo hiểm)

Thời gian được bảo hiểm

Ngày hiệu lực hoặc ngày khôi phục sản phẩm, áp dụng ngày nào đến sau

Thời điểm quyền lợi bảo hiểm có hiệu lực

(*) Vui lòng tham khảo danh sách các Bệnh đặc biệt

(**) Vui lòng tham khảo danh sách các biến chứng thai sản được bảo hiểm

Thời gian chờ

- Là khoảng thời gian cụ thể tương ứng quyền lợi bảo hiểm được tính từ ngày chương trình bảo hiểm có hiệu lực hoặc ngày khôi phục hiệu lực sản phẩm, áp dụng ngày nào đến sau
- Nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra trong khoảng thời gian này sẽ không được chi trả
- Nếu sự kiện bảo hiểm có liên quan đến nhiều "Thời gian chờ", "Thời gian chờ" dài nhất sẽ được áp dụng

Ví dụ: thời gian chờ áp dụng cho Khách hàng điều trị nội trú do ung thư như sau:

Quyền lợi điều trị Nội trú	30 ngày	**Thời gian chờ được áp dụng**	90 ngày
Quyền lợi điều trị Ung thư	90 ngày		

(*) DANH SÁCH BỆNH ĐẶC BIỆT

- Các loại thoát vị;
- Trĩ, rò hậu môn, nứt hậu môn;
- Các loại u, bướu, nang, polyp lành tính;
- Lao; Hen phế quản;
- Các bệnh lý liên quan Amidan bao gồm Amidan vòm (VA);
- Vẹo vách ngăn mũi, các tình trạng bất thường khác của xoang mũi, vách ngăn mũi và xoăn mũi;
- Bệnh lý tuyến giáp;
- Bệnh lý tim và mạch máu; Tăng huyết áp; Đái tháo đường;
- Sỏi hệ mật bao gồm sỏi gan; Sỏi hệ niệu;
- Loét dạ dày, loét tá tràng;
- Đục thủy tinh thể, tăng nhãn áp, mộng thịt mắt;
- Phì đại tiền liệt tuyến, u xơ tử cung, lạc nội mạc tử cung, u nang buồng trứng;
- Thoát vị đĩa đệm hoặc lồi đĩa đệm;
- Thoái hóa khớp, thoái hóa cột sống, bệnh Gout.

(**) DANH SÁCH BIẾN CHỨNG THAI SẢN ĐƯỢC BẢO HIỂM

- Nhau bong non
- Thuyên tắc ối (tắc mạch ối)
- Đông máu nội mạch lan tỏa
- Gan nhiễm mỡ cấp tính trong thai kỳ
- Nhau cài răng lược
- Cắt tử cung do băng huyết sau sinh
- Sản giật hoặc tiền sản giật nặng
- Thai lưu
- Vỡ tử cung